

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 – 5</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>6 – 25</b>
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 25

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ Fico được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102290682 ngày 07 tháng 6 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 306.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của động cơ khai thác than và tàu thủy.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 25).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tiến Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Cúc	Íy viên

### **GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

Số: 114/2014/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO, được lập ngày 21 tháng 3 năm 2014, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Giám đốc*

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

- Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư một số khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên của Công ty với số tiền lần lượt là 94.461.960.000 đồng và 94.276.960.000 đồng (xem thuyết minh số V.02) đang được trình bày trên chỉ tiêu "Các khoản phải thu khác" thay vì trình bày trên chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác". Nếu điều chỉnh khoản khoản tạm ứng nêu trên thì chỉ tiêu "Các khoản phải thu khác" trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 và tại ngày 31/12/2013 giảm và chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" tăng lần lượt là 94.461.960.000 đồng và 94.276.960.000 đồng. Đồng thời, các khoản tạm ứng này phát sinh từ trước ngày 01/01/2013 nhưng đến ngày 31/12/2013 vẫn chưa được quyết toán hoàn ứng. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để khẳng định mục đích sử dụng khoản tạm ứng này dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về mục đích sử dụng của các khoản tạm ứng trên, cũng như không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với khoản tạm ứng ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

## Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

- Theo biên bản làm việc ngày 07 tháng 10 năm 2013 giữa Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO, tổng lợi nhuận tạm tính từ dự án Hữu Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 46/2007/HĐKT tính đến hết năm 2013 Công ty được hưởng là 63.634.024.094 đồng. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính là 52.900.000.000 đồng. Số còn lại đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa ghi nhận doanh thu tài chính và nợ phải thu là 10.734.024.094 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản công nợ phải thu Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera đang ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán là 14.949.777.470 đồng (số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 là 11.049.777.470 đồng). Tuy nhiên, Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu đã quá hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 với số tiền là 10.464.844.235 đồng. Nếu ghi nhận bổ sung doanh thu hoạt động tài chính và trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn nêu trên thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013: chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" (Mã số 21) tăng là 10.734.024.094 đồng, "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (Mã số 25) tăng 10.464.844.235 đồng, "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (Mã số 60) tăng là 269.179.859 đồng; trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 420) tăng 269.179.859 đồng, chỉ tiêu "Phải thu khách hàng" (Mã số 131) tăng 10.734.024.094 đồng và chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (Mã số 139) tăng 10.464.844.235 đồng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh V.11, vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 306.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 các cổ đông của Công ty mới chỉ thực hiện góp vốn là 55.120.000.000 đồng, số vốn góp thiếu là 250.880.000.000 đồng.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>174.891.003.341</b>	<b>181.640.929.818</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.449.577.217</b>	<b>830.854.546</b>
1.	Tiền	111	V.01	1.449.577.217	830.854.546
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>165.402.212.642</b>	<b>172.706.168.517</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		26.668.747.778	36.613.747.778
2.	Trả trước cho người bán	132		473.374.454	29.523.374.454
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	138.260.090.410	106.569.046.285
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.151.026.914</b>	<b>2.254.266.641</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	2.151.026.914	2.254.266.641
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.888.186.568</b>	<b>5.849.640.114</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		461.505.842	455.158.346
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	621.242.520	621.242.520
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	4.805.438.206	4.773.239.248

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**  
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.261.634.557</b>	<b>6.640.625.651</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.779.414.557</b>	<b>2.158.405.651</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	1.779.414.557	2.158.405.651
	- Nguyên giá	222		3.434.241.949	3.561.851.040
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.654.827.392)	(1.403.445.389)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.482.220.000</b>	<b>4.482.220.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	4.482.220.000	4.482.220.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>181.152.637.898</b>	<b>188.281.555.469</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**  
 Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>121.641.341.111</b>	<b>126.039.333.393</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>121.641.341.111</b>	<b>126.039.333.393</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	-	597.508.100
2.	Phải trả người bán	312		30.337.612.515	35.012.896.586
3.	Người mua trả tiền trước	313		50.335.000.000	50.335.000.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	91.622.084	215.217.248
5.	Phải trả người lao động	315		-	-
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	39.900.779.094	38.638.904.689
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		976.327.418	1.239.806.770
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>59.511.296.787</b>	<b>62.242.222.076</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>59.511.296.787</b>	<b>62.242.222.076</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.120.000.000	55.120.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.868.371.403	1.390.461.307
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.430.569.905	952.659.809
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.092.355.479	4.779.100.960
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>181.152.637.898</b>	<b>188.281.555.469</b>

Đơn vị tính: VND

### CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
	USD		-	2.151
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Phạm Thị Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	10.126.600.000	50.961.893.116
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.126.600.000	50.961.893.116
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	9.521.512.290	50.756.928.854
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		605.087.710	204.964.262
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.903.639.692	9.278.794.527
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	590.513.221	(970.046.501)
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		200.761.764	672.082.083
8.	Chi phí bán hàng	24		-	661.615.329
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.640.598.488	5.007.263.936
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.277.615.693	4.784.926.025
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32	VI.05	185.260.214	5.825.065
13.	Lợi nhuận khác	40		(185.260.214)	(5.825.065)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.092.355.479	4.779.100.960
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.092.355.479	4.779.100.960
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.06	198	867

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Hằng

Trần Thị Thanh Huyền

Nguyễn Tuấn Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		1.092.355.479	4.779.100.960
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		367.148.690	374.354.076
-	Các khoản dự phòng	03		-	(8.142.000.000)
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(34.182.385)
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.903.639.692)	(2.614.317.463)
-	Chi phí lãi vay	06		200.761.764	672.082.083
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.243.373.759)	(4.964.962.729)
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		11.189.064.773	(21.267.379.593)
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		103.239.727	-
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(5.906.354.830)	12.385.186.178
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		11.842.404	440.458.104
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(200.761.764)	(672.082.083)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	2.747.896.839
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(383.215.472)	(1.175.312.174)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>570.441.079</b>	<b>(12.506.195.458)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.003.639.692	16.059.540.459
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>2.003.639.692</b>	<b>16.059.540.459</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**  
 Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.800.000.000	11.188.495.900
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.397.508.100)	(13.257.537.800)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.357.850.000)	(2.864.500.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.955.358.100)</b>	<b>(4.933.541.900)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>618.722.671</b>	<b>(1.380.196.899)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>830.854.546</b>	<b>2.214.948.768*</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(3.897.323)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>1.449.577.217</b>	<b>830.854.546</b>

Người lập biểu



Phạm Thị Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2013

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của động cơ khai thác than và tàu thủy.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

## **02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## **03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

## **04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## **05. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**06. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**  
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	835.780.402	698.004.117
- Tiền gửi ngân hàng	613.796.815	132.850.429
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.449.577.217</b>	<b>830.854.546</b>
02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	138.260.090.410	106.569.046.285
+ Tổng Công ty Đầu tư Hạ tầng và đô thị Viglacera (*)	14.949.777.470	11.049.777.470
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 (**)	28.050.000.000	-
+ Các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên Bà Bùi Hải Yến	94.276.960.000	94.461.960.000
Ông Nguyễn Minh Tuấn	24.750.000.000	24.750.000.000
Ông Vũ Bảo Long	57.354.960.000	57.349.960.000
Ông Nguyễn Bá Tuấn	11.172.000.000	11.362.000.000
+ Các khoản phải thu khác	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>138.260.090.410</b>	<b>106.569.046.285</b>

(\*): Là khoản phải thu theo biên bản làm việc ngày 07 tháng 10 năm 2013 giữa Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO về tạm phân chia lợi nhuận từ dự án Hữu Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 46/2007/HĐKT. Theo đó, tính đến hết năm 2013 Công ty được hưởng lợi nhuận tạm tính là 63.634.024.094 đồng. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, số tiền Công ty đã thu là 37.950.222.536 đồng; số tiền chưa được thu là 25.683.801.564 đồng, Công ty đã ghi nhận doanh thu tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 52.900.000.000 (trong đó: năm 2010 ghi nhận 23.000.000.000 đồng, năm 2011 là 15.000.000.000 đồng, năm 2012 là 9.000.000.000 đồng và năm 2013 là 5.900.000.000 đồng). Số còn lại đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa ghi nhận là 10.734.024.094 đồng.

(\*\*): Là khoản phải thu theo biên bản thanh lý hợp đồng số 08/2007/HĐHT ngày 05 tháng 9 năm 2012 giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 và Công ty CP Đầu tư tài chính, thương mại dịch vụ FICO. Theo đó, hai bên đã thống nhất thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/2007/HĐHT ký ngày 30 tháng 11 năm 2007 về việc Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh, khai thác dự án Khu chức năng đô thị Ao Sào.

03. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.151.026.914	2.254.266.641
- Hàng hoá	-	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>2.151.026.914</b>	<b>2.254.266.641</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**  
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	621.242.520	621.242.520
<b>Cộng</b>	<b>621.242.520</b>	<b>621.242.520</b>

**05. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	4.738.384.406	4.729.840.800
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	67.053.800	43.398.448
<b>Cộng</b>	<b>4.805.438.206</b>	<b>4.773.239.248</b>

**06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.396.624.262</i>	<i>1.966.842.177</i>	<i>198.384.601</i>	<i>3.561.851.040</i>
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(127.609.091)	(127.609.091)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>1.396.624.262</i>	<i>1.966.842.177</i>	<i>70.775.510</i>	<i>3.434.241.949</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>507.796.864</i>	<i>740.681.691</i>	<i>154.966.834</i>	<i>1.403.445.389</i>
- Khấu hao trong năm	106.684.656	245.855.280	14.608.754	367.148.690
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(115.766.687)	(115.766.687)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>614.481.520</i>	<i>986.536.971</i>	<i>53.808.901</i>	<i>1.654.827.392</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>888.827.398</i>	<i>1.226.160.486</i>	<i>43.417.767</i>	<i>2.158.405.651</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>782.142.742</i>	<i>980.305.206</i>	<i>16.966.609</i>	<i>1.779.414.557</i>

**07. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>4.482.220.000</b>		<b>4.482.220.000</b>
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Sanny	403.222	4.032.220.000	403.222	4.032.220.000
+ Công ty Cổ phần Địa ốc MB	46.575	450.000.000	46.575	450.000.000
<b>Cộng</b>		<b>4.482.220.000</b>		<b>4.482.220.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**  
 Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	-	597.508.100
- Vay ngân hàng	-	597.508.100
+ Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hà Nội	-	597.508.100
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>597.508.100</u>

**09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	-	87.742.115
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	25.555.956
- Thuế thu nhập cá nhân	91.622.084	101.919.177
Cộng	<u>91.622.084</u>	<u>215.217.248</u>

**10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	165.142.403	134.916.210
- Bảo hiểm xã hội	434.928.240	82.028.716
- Bảo hiểm y tế	75.142.129	6.766.660
- Bảo hiểm thất nghiệp	36.244.020	2.944.220
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.189.322.302	38.412.248.883
+ Phải trả tiền thu của khách hàng từ dự án Ao Sào	23.200.000.000	24.700.000.000
+ Phải trả cổ tức	2.637.650.000	688.300.000
+ Công ty CP Đầu tư, thương mại và dịch vụ - Vinacomìn	114.991.486	71.381.616
+ Công ty CP Đầu tư, thương mại và dịch vụ - Vinacomìn (lãi vay)	12.581.126.439	12.581.126.439
+ Thủ lao HĐQT và BKS	542.299.060	280.000.000
+ Công ty LD Khách sạn vườn Thủ Đô	67.600.000	67.600.000
+ Phải trả khác	45.655.317	23.840.828
Cộng	<u>39.900.779.094</u>	<u>38.638.904.689</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**

Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**11. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>55.120.000.000</b>	<b>125.748.046</b>	<b>1.390.461.307</b>	<b>870.230.654</b>	<b>2.838.429.155</b>	<b>60.344.869.162</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.779.100.960	4.779.100.960
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	82.429.155	(2.838.429.155)	(2.756.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	(125.748.046)	-	-	-	(125.748.046)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>55.120.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.390.461.307</b>	<b>952.659.809</b>	<b>4.779.100.960</b>	<b>62.242.222.076</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>55.120.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.390.461.307</b>	<b>952.659.809</b>	<b>4.779.100.960</b>	<b>62.242.222.076</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.092.355.479	1.092.355.479
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	477.910.096	477.910.096	(4.779.100.960)	(3.823.280.768)
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>55.120.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.868.371.403</b>	<b>1.430.569.905</b>	<b>1.092.355.479</b>	<b>59.511.296.787</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**  
 Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	55.120.000.000	55.120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>55.120.000.000</b>	<b>55.120.000.000</b>

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 306.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2013 là: 55.120.000.000 đồng

Vốn điều lệ góp thiếu là: 250.880.000.000 đồng

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	55.120.000.000	55.120.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	55.120.000.000	55.120.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.307.200.000	2.756.000.000

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.600.000	30.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.512.000	5.512.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.512.000	5.512.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.512.000	5.512.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.512.000	5.512.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	9.871.600.000	50.961.893.116
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	255.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.126.600.000</b>	<b>50.961.893.116</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**  
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.367.512.290	50.756.928.854
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	154.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.521.512.290</b>	<b>50.756.928.854</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.639.692	109.317.929
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.900.000.000	9.000.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	135.294.213
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	34.182.385
<b>Cộng</b>	<b>5.903.639.692</b>	<b>9.278.794.527</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	200.761.764	672.082.083
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	6.495.000.466
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	389.751.457	4.870.950
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(8.142.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>590.513.221</b>	<b>(970.046.501)</b>

**05. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí dở dang trường tiểu học Yên Hòa	103.239.727	-
- Thuế GTGT của hóa đơn không hợp lệ	82.020.487	-
- Chi phí khác	-	5.825.065
<b>Cộng</b>	<b>185.260.214</b>	<b>5.825.065</b>

**06. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.092.355.479	4.779.100.960
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.092.355.479	4.779.100.960
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.512.000	5.512.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>198</b>	<b>867</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**  
 Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	2.229.489.073	1.841.403.476
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	367.148.690	374.354.076
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.636.598	872.612.111
- Chi phí khác bằng tiền	1.952.084.400	2.580.509.602
<b>Cộng</b>	<b><u>4.681.358.761</u></b>	<b><u>5.668.879.265</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Giao dịch với các bên liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>
<b>Ban điều hành</b>	
+ Tạm ứng	<u>5.373.600</u>
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>5.373.600</u></b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương	<u>210.333.360</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>210.333.360</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**  
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Giá trị ghi số	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị ghi số	Số đầu năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.449.577.217	-	-	830.854.546	-	830.854.546
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.651.878.188	-	-	48.905.834.063	-	48.905.834.063
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	4.482.220.000	-	-	4.482.220.000	-	4.482.220.000
<b>Cộng</b>	<b>76.583.675.405</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>54.218.908.609</b>	<b>-</b>	<b>54.218.908.609</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	30.337.612.515	35.012.896.586	30.337.612.515	35.012.896.586
Vay và nợ	-	597.508.100	-	597.508.100
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	39.900.779.094	38.638.904.689	39.900.779.094	38.638.904.689
<b>Cộng</b>	<b>70.238.391.609</b>	<b>74.249.309.375</b>	<b>70.238.391.609</b>	<b>74.249.309.375</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

### 03. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

### 04. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	30.337.612.515	-	-	30.337.612.515
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	39.900.779.094	-	-	39.900.779.094
<b>Cộng</b>	<u>70.238.391.609</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>70.238.391.609</u>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	35.012.896.586	-	-	35.012.896.586
Vay và nợ	597.508.100	-	-	597.508.100
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	38.638.904.689	-	-	38.638.904.689
<b>Cộng</b>	<u>74.249.309.375</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>74.249.309.375</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**  
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**05. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**06. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**07. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Hằng

Trần Thị Thanh Huyền

Nguyễn Tuấn Anh